Nội dung chương trình đào tạo Cao đẳng nghề KTML&ĐHKK

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	**Các môn học, mô đun chung**	**24**	**525**	**195**	**301**	**29**
2010001MH	Chính trị	4	75	41	29	5
2010002MH	Pháp luật	2	30	18	10	2
2010003MH	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2010004MH	Giáo dục quốc phòng-An ninh	4	75	36	35	4
2010005MH	Tin học	3	75	15	57	3
2010006MH	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
2010007MĐ	Bảo vệ môi trường	2	45	14	29	2
2010008MH	Kỹ năng mềm và hội nhập kinh tế quốc tế	1	15	14		1
2010009MH	An toàn lao động	1	30	10	18	2
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**					
II.1	**Môn học, mô đun cơ sở**	**4**	**90**	**41**	**43**	**6**
2010310MH	Vẽ kỹ thuật điện	2	45	21	21	3
2010311MH	Cơ sở kỹ thuật điện 1	2	45	20	22	3
II.2	**Các môn học, mô đun chuyên môn nghề**	**76**	**2085**	**554**	**1457**	**74**
2010312MH	Cơ sở kỹ thuật nhiệt	2	45	22	20	3
2010313MH	Cơ sở kỹ thuật lạnh	2	45	22	20	3
2010314MH	Cơ sở kỹ thuật điều hoà không khí.	2	45	22	20	3
2010315MĐ	Thực tập nguội	2	45	14	28	3
2010316MĐ	Thực tập hàn	2	45	14	28	3
2010317MĐ	Thực tập gò	2	45	14	28	3

2010318MĐ	Đo lường Điện - Lạnh	3	75	22	50	3
2010319MĐ	Máy điện	5	120	37	78	5
2010320MĐ	Trang bị điện	5	135	22	108	5
2010321MĐ	Kỹ thuật điện tử chuyên ngành điện lạnh	6	135	52	79	4
2010322MĐ	PLC	4	105	22	79	4
2010323MĐ	Lạnh cơ bản	6	150	37	106	7
2010324MĐ	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	5	135	22	107	6
2010325MĐ	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	3	75	22	50	3
2010326MĐ	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	4	105	22	78	5
2010327MĐ	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	3	75	22	50	3
2010328MĐ	Tính toán, thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh	4	105	22	79	4
2010329MĐ	Tính toán, thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống điều hoà không khí	4	105	22	79	4
2010330MH	Hệ thống điều hoà không khí ô tô	2	45	22	20	3
2010331MĐ	Thực tập	10	450	100	350	
	Tổng cộng	**104**	**2700**	**790**	**1801**	**109**